

Bản án số: 81/2026/DS-PT
Ngày: 27 – 01 – 2026
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đạt:

Ông Nguyễn Chí Dũng:

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Gia Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 949/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025 về Tranh chấp đòi lại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 301/2026/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bùi Thị M, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Số D, đường T, khu phố T, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1. Nguyễn Hùng T, sinh năm 1958;

2. Phạm Thị N, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số C, đường T, khu phố T, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Hùng T và bà Phạm Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Bùi Thị M trình bày:

Vào tháng 04/1993, bà có cho bà N và ông T vay 04 lượng vàng 24k, thời gian vay đến tháng 10/1993, có thỏa thuận lãi suất, hai bên có lập “Tờ giao kèo” ngày 19/8/1993AL, ngày 03/4/1993, ngày 24/5/1994 có Ủy ban nhân dân xã T xác nhận ngày 21/6/1994 và “Giấy hẹn nợ”, để vợ chồng ông T, bà N mua máy và trang thiết bị cho tàu câu mực. Sau đó, bà N và ông T có vay thêm 01 lượng vàng 24k, tổng cộng vốn và lãi bà N và ông T không đóng là 06 lượng vàng 24k, hẹn đến tháng 11/1994 bà N và ông T sẽ trả. Tuy nhiên, bà N và ông T chỉ trả được 3,2 lượng còn nợ lại 2,8 lượng vàng. Bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà N và ông T không trả. Vì vậy, bà yêu cầu bà N và ông T trả số vàng còn nợ là 2,8 lượng vàng 24k.

- Bị đơn bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Hùng T trình bày:

Thừa nhận vào năm 1993 vợ chồng bà có vay của bà M 04 lượng vàng 24k, thỏa thuận thời hạn trả là 06 tháng, tiền lãi mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Khi vay chỉ thỏa thuận miệng và không có làm giấy biên nhận. Hàng tháng vợ chồng bà đều đóng lãi đầy đủ cho bà M. Đến hạn vợ chồng bà không trả vốn được cho bà M nên xin tiếp tục đóng lãi. Đến năm 1995 thì vợ chồng bà bán ghe và đã trả đủ 04 lượng vàng 24k cho bà M. Khi trả cũng không viết giấy tờ biên nhận. Do đó, vợ chồng bà không đồng ý trả 2,8 lượng vàng 24k theo yêu cầu khởi kiện của bà M vì không còn nợ bà M. Yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị M. Buộc bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Hùng T có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị M 28 (hai mươi tám) chỉ vàng 24kr.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; quyền và thời hạn kháng cáo; quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 28/7/2025, bị đơn bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Hùng T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đồng Tháp. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, áp dụng thời hiệu và ra quyết định đình chỉ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông T và bà N vẫn giữ nguyên kháng cáo của mình, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết của vụ án.

- Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Ú, sửa một phần Bản án sơ thẩm về án phí do ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng: Ông T và bà N kháng cáo yêu cầu xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, áp dụng thời hiệu khởi kiện và ra quyết định đình chỉ vụ án. Xét thấy, bà M cho rằng bà N và ông T chưa trả cho bà 2,8 lượng vàng 24k từ năm 1995. Bà M gửi đơn khởi kiện cho Tòa án ngày 05/3/2025. Như vậy, tính từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của bà M bị xâm phạm cho đến khi khởi kiện là hơn 30 năm. Theo Điều 429 Bộ luật Dân sự quy định thì *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”*. Tuy nhiên, đối với số vàng bà M cho ông T và bà N vay thuộc quyền sở hữu của bà M. Theo khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự đối với yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu. Vì vậy, đối với việc khởi kiện của bà M yêu cầu bà N và ông T trả cho bà 2,8 lượng vàng 24k thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp đòi lại tài sản” là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

[1] Mặc dù bà N và ông T không thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên của mình trong các “Tờ giao kèo” ngày 19/8/1993AL, ngày 03/4/1993, ngày 24/5/1994 và “Giấy hẹn nợ” do bà M cung cấp cho Tòa án, không yêu cầu giám định nhưng bà N và ông T đều thừa nhận vào năm 1993 có vay của bà M 04 lượng vàng 24k, tiền lãi mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Khi vay chỉ thỏa thuận miệng, không có làm giấy biên nhận. Hàng tháng vợ chồng bà đều đóng lãi đầy đủ cho bà M. Đến hạn vợ chồng ông bà không trả vốn được cho bà M nên xin tiếp tục đóng lãi. Đến năm 1995 thì vợ chồng bà bán ghe và đã trả đủ 04 lượng vàng 24k cho bà M. Khi trả cũng không viết giấy tờ biên nhận. Do đó, vợ chồng ông bà không đồng ý trả 2,8 lượng vàng 24k theo yêu cầu của bà M là không phù hợp. Bởi vì, ông bà không có chứng cứ chứng minh là đã trả xong nợ cho bà M. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc bà N và ông T phải trả cho bà M 2,8 lượng vàng 24k là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại Tòa án cấp phúc thẩm bà N và ông T cung cấp cho Tòa án “Tờ xác nhận của người làm chứng” ngày 15/01/2026 ký tên Phạm Thị Ngọc D và Phạm Thanh T1 có nội dung là: Khoảng gần tết năm 1995 thấy bà N trả cho bà M tại nhà bà Phạm Thị T2 (Là mẹ đẻ của bà Phạm Thị N, Phạm Thanh T1 và Phạm Thị Ngọc D) 04 lượng vàng 24k. Xét thấy, bà T1 và bà D là em ruột bà N nên việc làm chứng là không khách quan. Ngoài ra, bà N và ông T cũng không được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không chấp nhận.

[3] Về án phí:

+ Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Nguyễn Hùng T do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

+ Bà Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và $16.100.000đ : 2 = 8.050.000$ đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N và ông T, sửa một phần Bản án sơ thẩm về án phí đối với ông T.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 91, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1, Điều 15 của Pháp lệnh hợp đồng dân sự năm 1991; Khoản 2 Điều 155, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Hùng T.
2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 24/7/2025 của Tòa án nhân khu vực 1 – Đồng Tháp.

3. Buộc bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Hùng T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Bùi Thị M 28 (Hai mươi tám) chỉ vàng 24k (Vàng nhẫn).

4. Về án phí:

+ Ông Nguyễn Hùng T được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. cho phải liên đới chịu 16.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, 8.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0001007 ngày 30/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Bà N còn phải nộp tiếp số tiền 8.050.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 1 – Đồng Tháp;
- Phòng THADSKV1- Đồng Tháp;
- PGĐKTTT&TA tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sỹ Danh Đạt